

NGÔN NGỮ HÀ NỘI VÀ VỊ THẾ NGỮ HÀ NỘI

TIẾNG HÀ NỘI VÀ NGƯỜI HÀ NỘI - MỘT CÁCH NHÌN

HANOI DIALECT AND HANOI PEOPLE - A POINT OF VIEW

TRẦN CẨM LAN

(PGS.TS; Giảng viên KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: Locate an area of *Hanoi dialect* and *Hanoi people*, the paper deals with a point of view about two concepts of *Hanoi dialect* and *Hanoi people* by a discussion of another points of view about these concepts, and brings out simultaneously an opinion in terms of two variants of *Hanoi dialect*, those are *urban Hanoi dialect* and *rural Hanoi dialect* with their typical features.

Key words: Hanoi area; Hanoi dialect; Hanoi people; urban Hanoi dialect; rural Hanoi dialect.

1. Vài nét phác thảo về địa bàn Hà Nội qua các mốc lịch sử

Tiếng Hà Nội và *Người Hà Nội* là hai khái niệm nhện đứt c sợi quan tâm không nh c của Phnng ng h c Vt Nam th i hi n đ i. Ct nghĩa khái niệm này hoàn toàn không ph i là m t đ iu đ n gi n. S không đ n gi n y th hi n qua nhi u cu c tranh lu n c a các nhà ngôn ng h c Vt Nam qua nhi u cu c h i th o r lên vào th p k cu i cùng tr c m c k niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội do H i Ngôn ng h c Hà Nội và m t s c s đ ào t o - nghiên c u ngôn ng h c ph i h p t ch c. Tuy nhiên, nh ng cu c th o lu n, cho đ n nay, hình nh cũng v n ch a đ t đ c m t th a thu n chung cu c. Đ đ nh hình hai khái niệm trên đây, thi t nghĩ, tr c h t ph i đ nh hình không gian t n t i cho hai khái niệm này.

Không ai nghi ng r ng đ a bàn Hà Nội (theo nghĩa đ a bàn hành chính) là m t không gian không n đ nh qua các th i kì l ch s . Nh ng quá trình tách nh p khác nhau gi a các th i kì đã t o cho Hà Nội m t không gian hành chính linh ho t và luôn thay đ i. Tuy nhiên, cũng có th nói, dù hàng ch c l n thay đ i nh ng đ a bàn Hà Nội luôn t n t i m t vùng trung tâm n đ nh qua các m c l ch s . Cái vùng trung tâm y v n t n t i và gi nguyên v th c a nó sau hàng th k mà chúng ta v n quen g i là *ph ph ng Hà Nội*.

Bao quanh vùng trung tâm này là các khu v c ngo i vi, hay ng i Hà Nội v n g i là ngo i ô, và đây chính là khu v c đ y bi n đ ng (Vũ Kim B ng 2010). M t s phác th o theo chi u l ch đ i đ a bàn Hà Nội qua các m c l ch s là m t c s quan tr ng cho vi c nghiên c u tiếng Hà Nội hôm nay nói riêng và vi c đ nh v khái niệm tiếng Hà Nội và ng i Hà Nội nói chung.

1.1. Địa bàn Hà Nội th i phong kiến

M c dù tr c khi Thăng Long chính th c tr thành Kinh đô c a nhà Lý, đ a bàn Hà Nội b y gi đã có m t chi u dài l ch s . Tuy v y, vào th i đó, n c ta có t i 10 th k ch u s th ng tr c a nhà n c phong ki n ph n ng B c, Hà Nội b y gi ch là m t vùng đ t thu c m t qu n c a nhà n c này cho đ n th k th X. T khi Ngô Quy n th ng quân Nam Hán r i x ng v ng, n c ta m i b t đ u đ c l p. Tr i ba tri u đ i phong ki n ng n ng i: Ngô (939-967), Đinh (968-980), Ti n Lê (981-1009), Hà Nội cũng v n ch là m t vùng đ t ven sông H ng n m i trung tâm châu th B c B và đ c bi t đ n v i cái tên Đ i La thành do Cao Bi n - m t t ng c a nhà Đ ng - xây đ ng còn kinh đô c a đ t n c v n t a l c i vùng Hoa L (Tr n Qu c V ng & Vũ Tu n San 1975).

Mùa thu năm Canh Tu t, Lý Công U n lên ngôi và quy t đ nh đ i đô t Hoa L v Đ i

La, đổi tên thành Thăng Long. Thăng Long chính thức trở thành kinh đô của triều Lý và kinh thành Thăng Long chính thức được xây dựng. Kinh thành được xây trên vùng đất do ba con sông - sông Hồng, sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu - bao bọc. Thăng Long bấy giờ có 10 trang trại nội thành và 61 phường ngoại thành. Sang đời Trần, tiếp tục hành chính và địa giới Thăng Long vẫn cũ biến đổi giới nội địa Lý. Sang đời Lê, khu vực ngoại thành rút xuống còn 36 phường. Đến khi nhà Lê chiến thắng quân Minh, Thăng Long được giới phóng, kinh thành được mở rộng ra phía đông (Trần Quốc Vượng & Vũ Tuấn San 1975).

Đến đời Nguyễn, vua Gia Long định đô tại Phú Xuân. Thăng Long không còn là kinh đô. Gia Long cho phá Hoàng thành cũ, xây thành mới như hiện và mới sắp bố trí bên trong cũng thay đổi. Vào thời Minh Mạng, vua xây dựng mới hệ thống quân lý mới gồm 26 tỉnh trải dài từ biên giới phía bắc đến mũi Cà Mau, đặt tên tỉnh có thành Thăng Long là tỉnh Hà Nội. Từ đó (1831), Thăng Long mang tên Hà Nội. Địa giới Hà Nội thời Nguyễn bao gồm vùng đất Thăng Long cũ và một số địa phương thuộc Hà Tây cũ, kéo xuống phía nam đến tỉnh Lý Nhân (Hà Nam). Về mặt hành chính, tỉnh Hà Nội khi đó có 4 phủ: phủ Hoài Đức (gồm thành Thăng Long và Từ Liêm), phủ Ứng Hòa, phủ Thọ Ng Tán và phủ Lý Nhân. Phủ Hoài Đức có hai huyện Vĩnh Thuận và Thọ Xuân. Huyện Thọ Xuân ở phía đông kinh thành, trên đất của các quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa và một phần quận Ba Đình gồm 8 tổng với 193 phường. Huyện Vĩnh Thuận ở phía tây kinh thành, trên đất của một phần quận Ba Đình và các quận khác là Tây Hồ, Đống Đa, Hoàng Mai và Thanh Xuân ngày nay (Hoàng Đức Thụ 1975, Trần Huy Liệu 2000).

1.2. Địa bàn Hà Nội thời thuộc Pháp (từ 1858 đến 1945)

Năm 1888, tổng thống Pháp ra sắc lệnh thành lập thành phố Hà Nội bao gồm hầu hết

không gian địa lý hai huyện Vĩnh Thuận và Thọ Xuân. Cùng với việc thành lập thành phố Hà Nội, người Pháp quyết định trở phủ đất Ứng Hòa và Thọ Ng Tán về cho Hà Tây, trở Lý Nhân về cho Hà Nam. Năm 1889, người Pháp thành lập khu vực ngoại thành Hà Nội bao gồm những phần đất của hai huyện Vĩnh Thuận và Thọ Xuân nằm ngoài thành phố và một số xã, thôn thuộc hai huyện Từ Liêm và Thanh Trì. Đầu thế kỷ XX, vào khoảng từ 1904 đến 1915, người Pháp lại quyết định nhập khu vực ngoại thành Hà Nội thành một huyện trở thuộc tỉnh Hà Đông lấy tên là huyện Hoàn Long. Năm 1942, họ lại thành lập một địa lý để biến trở thuộc thành phố Hà Nội gồm huyện Hoàn Long và 22 xã thuộc phủ Hoài Đức (Trần Huy Liệu 2000).

1.3. Địa bàn Hà Nội từ 1945 đến 1954

Năm 1945, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, Hà Nội trở thành thủ đô của đất nước. Ngày 30/8/1945, Bác Hồ ra sắc lệnh thành lập Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 22/11/1945, một sắc lệnh khác quy định tổ chức hành chính của Hà Nội gồm 5 khu phố nội thành và 120 xã ngoại thành. Ngay sau đó, Hà Nội lại được cấu trúc lại thành 17 khu phố nội thành và 5 khu hành chính ngoại thành. Tháng 11/1946, Hà Nội chính thức được công nhận là thủ đô của nước Việt Nam độc lập thông qua bản hiến pháp đầu tiên. Theo đó, nội thành Hà Nội bấy giờ được chia thành 3 liên khu: Liên khu 1 nằm ở phía bắc bao gồm khu vực quận Hoàn Kiếm và một phần hai quận Ba Đình và Tây Hồ hiện nay; Liên khu 2 nằm ở phía nam bao gồm khu vực quận Hai Bà Trưng, Hoàng Mai và một phần quận Thanh Xuân hiện nay; Liên khu 3 nằm ở phía tây bao gồm khu vực quận Đống Đa, một phần quận Thanh Xuân và quận Cầu Giấy hiện nay.

Vào thời điểm chiếm, người Pháp chia nội thành thành 36 khu phố và một địa lý trở thuộc mang tên Hoàn Long với 5 quận (Lã Minh Hùng 2001). Năm 1948, chính phủ bù

nhìn do Pháp thành lập đã sáp nhập Hà Nội và Hà Đông thành một tỉnh gọi là Liên tỉnh Hà. Riêng Hà Nội chia thành 2 huyện là Từ Liêm Tây và Từ Liêm Nam. Tháng 2/1949, Từ Liêm Tây và Từ Liêm Nam trở thành 2 liên khu phố, ngoài thành chia làm 3 quận. Một thời gian sau, chính quyền lại đổi 2 liên khu phố này thành thành 2 quận I và II. Tháng 11/1949, chia 2 quận này thành thành 17 khu phố và 3 quận ngoài thành thành 34 liên xã (Từ Liêm Quận V 2006).

1.4. Địa bàn Hà Nội từ 1954 đến 1975

Tháng 11/1954, Ủy ban hành chính Hà Nội được thành lập, Hà Nội được chia thành 4 quận này thành với 34 khu phố và 4 quận ngoài thành với 46 xã. Năm 1958, 4 quận này thành được chia thành 12 khu phố rồi sau đó lại được nhập lại thành 8 khu phố, còn phần đất ngoài thành vẫn giữ nguyên là 4 quận (Tô Hoài & Nguyễn Vinh Phúc 2000).

1.5. Địa bàn Hà Nội từ 1975 đến nay

a. Giai đoạn 1975 - 2008: Sau khi đất nước thống nhất, nội thành Hà Nội được cấu trúc lại thành 4 khu phố là Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng và Đống Đa. Ngoài thành gồm 4 huyện Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì và Từ Liêm, tháng 12/1975 thêm 2 huyện Sóc Sơn và Mê Linh. Năm 1980, Hà Nội lại thay đổi gồm 4 khu phố này thành như cũ, 1 thị xã Sơn Tây và 10 huyện ngoài thành, ngoài 6 huyện cũ, thêm 4 huyện của Hà Tây lúc bấy giờ là Đan Phượng, Hoài Đức, Phúc Thọ, Thạch Thất. Năm 1981, 4 khu phố này thành đổi thành 4 quận. Năm 1991, một số huyện vẫn thuộc Hà Tây và Vĩnh Phú được trở lại cho hai tỉnh này. Ngoài thành Hà Nội chỉ còn 5 huyện là Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm. Năm 1995, cùng với quá trình đô thị hóa, Hà Nội bắt đầu chuyển đổi một phần này thành với việc thành lập thêm các quận trên cơ sở một số phường của 4 quận cũ với một số xã của các huyện ven đô. Tháng 12/1995, quận Tây Hồ được thành lập trên cơ sở 3 phường của quận Ba Đình và 5 xã thuộc huyện Từ Liêm. Tháng 9/1997,

quận Thanh Xuân được thành lập với 5 phường của quận Đống Đa, 1 xã thuộc Từ Liêm là Nhân Chính và 1 xã thuộc Thanh Trì là Khương Đình. Tháng 9/1997, quận Cầu Giấy được thành lập trên cơ sở 7 xã còn lại của huyện Từ Liêm. Tháng 11/2003, quận Hoàng Mai được thành lập trên cơ sở 5 phường phía nam của quận Hai Bà Trưng và 9 xã còn lại của huyện Thanh Trì. Cùng thời điểm này, quận Long Biên cũng được thành lập trên cơ sở 3 thị trấn và 11 xã thuộc huyện Gia Lâm. Như vậy, địa bàn và tổ chức hành chính của Hà Nội trước 2008 có 9 quận này thành và 5 huyện ngoài thành (Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm) (Dẫn theo Vũ Kim Bông 2007).

b. Giai đoạn 2008 đến nay: Từ ngày 1/8/2008, địa giới hành chính của Hà Nội được mở rộng trên cơ sở hợp nhất thành phố Hà Nội với Hà Tây, huyện Mê Linh của Vĩnh Phúc và 4 xã thuộc huyện Long Sơn, Hòa Bình. Đây là lần mở rộng lần nhất trong lịch sử Hà Nội. Hà Nội trở thành một thị đô với tổng diện tích là 3.300 km² với kích cỡ dân số trên 6 triệu người vào thời điểm đó.

Từ trung thế kỷ, từ thế kỷ XI, khi Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long, cho đến thời điểm này, địa bàn hành chính Thăng Long - Hà Nội đã có biết bao thay đổi cùng với những biến thiên thăng trầm của lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, cho dù địa giới khu vực ngoài vì có linh hoạt và nhiều biến đổi qua các quá trình tách nhập thì khu vực trung tâm vẫn giữ được ổn định, vững bền bên trong, đó là khu vực nằm giữa ba con sông (sông Hồng, sông Kim Ngưu và sông Tô Lịch) mà hết nhân của nó chúng ta vẫn quen gọi là 36 phường phường Hà Nội. Đó là khu tam giác có gồm 3 cạnh: cạnh thứ nhất giáp với sông Hồng, chảy từ Hàng Đậu tới Hàm Tử Quan, cạnh thứ 2 từ Hàng Đậu qua Phùng Hưng xuống Cầu Nam và cạnh thứ 3 từ Cầu Nam dọc theo tuyến Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ, Lò Sũ đến Hàm Tử Quan (Dẫn theo Vũ Kim Bông 2007).

2. Bàn luận về địa bàn Hà Nội và cấp khái niệm liên quan: *tiếng Hà Nội đô thị* và *tiếng Hà Nội nông thôn*

Có thể nói, để xác định không gian sinh tồn của người Hà Nội và tiếng Hà Nội với một địa lí, cần thiết phải đưa vào những phân tích, luận giải về không gian địa lí Hà Nội. Với điều kiện này, chúng tôi chia sẻ với Vũ Kim Bông và đồng sự⁴ cho rằng không thể không đề cập đến ba phạm vi không gian bao bọc lấy nhau. Phạm vi trong cùng, được xem là hạt nhân là khu phố cũ hay khu 36 phố phường, tiếp đến là một khu vực rộng hơn được bao bọc bởi 3 con sông (sông Hồng, sông Kim Ngưu và sông Tô Lịch), đây là hai phạm vi không gian bên ngoài, vùng bên qua các thời đại, là không gian của khu phố phường Hà Nội thời cận hiện đại, cũng là nơi tạo nên một thể mà ông gọi là *tiếng Hà Nội đô thị* (Vũ Kim Bông và đồng sự 2010). Với một thuật ngữ, chúng tôi cũng chia sẻ và sử dụng cách gọi này.

Tuy nhiên, với phạm vi không gian thể ba, có một sự khác biệt giữa quan điểm của chúng tôi với quan điểm của Vũ Kim Bông và đồng sự. Đó là, theo Vũ Kim Bông, phạm vi này chỉ là ranh giới địa lí của hai huyện Từ Liêm và Thanh Trì bởi theo tác giả thì đây vẫn là địa giới hành chính ngoại thành lâu nay của thể đô trong suốt chiều dài 1000 năm lịch sử và tạo nên *tiếng Hà Nội nông thôn*. Như với khái niệm *tiếng Hà Nội đô thị*, chúng tôi cũng chia sẻ và sử dụng khái niệm *tiếng Hà Nội nông thôn*. Tuy nhiên, quan điểm của chúng tôi về không gian tồn tại của *tiếng Hà Nội nông thôn* thì khác.

Có lẽ chúng ta đều thừa nhận rằng *tiếng Hà Nội nông thôn* chủ yếu vẫn là tiếng nói của người Hà Nội cư trú ở khu vực nông thôn. Vậy nếu chỉ coi *tiếng Hà Nội nông thôn* là tiếng nói của các cộng dân cư trú ở hai huyện Từ Liêm và Thanh Trì thì tiếng nói của cộng dân Hà Nội cư trú ở các khu vực nông thôn Hà Nội khác (bao gồm các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Mê Linh, toàn bộ tỉnh Hà Tây cũ và các xã của Hòa Bình mới nhập vào Hà

Nội năm 2008) là tiếng gì? Đã đành, với toàn bộ khu vực thuộc Hà Tây cũ, tiếng đồng dân cư trong không gian đó vẫn nói một thể tiếng mà truyền thống quen gọi là *tiếng Hà Tây* và khái niệm này đã thành cội rễ, đi vào tiềm thức, trở thành tri thức của sự đồng và có thể bày giãi, dù muốn hay không, cái thể thể được cội rễ danh là *tiếng Hà Tây* ấy vẫn tồn tại và sự sống của nó là tự nhiên, có thể lâu bền, nằm ngoài ý chí của mọi chúng ta cho dù chỉ nhận của nó hiện nay có thể được gọi là *người Hà Nội*. Nhưng, câu hỏi đặt ra là các cộng đồng cư trú tại các vùng nông thôn Hà Nội khác như các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Mê Linh cũ⁴ nói *tiếng* địa phương nào nếu không phải cũng là *tiếng Hà Nội nông thôn*?

Với lập luận như vậy, chúng tôi cho rằng, cần thiết phải định hình lại cái phạm vi không gian thể ba - nơi tồn tại của *tiếng Hà Nội nông thôn* - rộng hơn so với phạm vi mà Vũ Kim Bông và đồng sự đã định vẽ. Phạm vi đó bao gồm ít nhất toàn bộ phần không gian địa lí Hà Nội trước năm 2008 với một điều kiện là chấp nhận sự tồn tại lâu dài hơn của khái niệm *tiếng Hà Tây*, bắt buộc ý chí chủ quan của con người thời hiện trên sự sáp nhập Hà Tây vào Hà Nội với phương diện hành chính. Còn nếu không, phương án dung hòa hơn, tránh được những khiếm khuyết, và có thể là hợp lý cho một cái nhìn nhất quán, đó là coi tiếng nói của toàn bộ không gian hành chính ngoại thành Hà Nội ở thời điểm hiện tại (bao gồm cả Hà Tây cũ và các xã của Hòa Bình mới nhập) là *tiếng Hà Nội nông thôn*. Và theo đó, nếu *tiếng Hà Nội đô thị* là một thể thể thuần nhất, bên ngoài và bắt buộc một cách tự nhiên thì *tiếng Hà Nội nông thôn* là một thể thể linh hoạt và đa sắc hơn. Tính đa sắc ấy thể hiện ở sự tồn tại đa dạng của nhiều loại biến thể địa lí và xã hội ở nhiều không gian địa lí và xã hội khác nhau mà nét đặc biệt hơn cả là sự tồn tại đan xen

⁴Chúng tôi gọi là "cũ" bởi trong những lần mở rộng gần đây, đã có một phần, thậm chí phần lớn của một vài huyện trong số đó trở thành quận và được xem là khu vực nội đô của Hà Nội hiện đại.

của những đ o th ng đ c bi t đ n su t chi u dài l ch s ph ng ng h c Vi t Nam nh C Nhu , Tri u Khúc, S n Tây, Th ch Th t...

Dù sao, hai v n đ c n l i v n là không gian t n t i c a *ti ng Hà N i nông thôn* là đ u? Còn hay không khái ni m *ti ng Hà Tây* trong th i hi n đ i? Bi t r ng đ i u này là t i k nh ng đ a s là hai v n đ mà chúng t i v n quy t đ nh đ ng trong khuôn kh bài vi t này. K t lu n v n đ a c n phía tr c. Ch có đ i u, v t l n trên s ch a rõ ràng y, c p khái ni m *ti ng Hà N i nông thôn* và *ti ng Hà N i đô th* s là hai khái ni m mà dù th nào thì chúng v n t n t i và chúng t i s s đ ng chúng m t s b i nh đ i n kh o sát ti ng Hà N i trong t ng lai.

3. Ti ng Hà N i và Ng i Hà N i

3.1. V các cách g i: *ti ng Hà N i*, *g i ng Hà N i*, *ph ng ng Hà N i*, *th ng Hà N i*

X a nay, khi ch n m t bi u th c ngôn ng đ đ nh danh cho ti ng nói c a m t vùng đ t nào đó, ng i ta, ngay c g i i nghi n c u, th ng b n kho n khi l a ch n *ph ng ng* hay *th ng*, *ti ng* hay *g i ng*...? Đ i u này c n c n ph i l u tâm h n khi ch n m t t đ đ nh danh cho ti ng nói th đ o. Trên th c t, chúng ta đã g p m t s cách g i khác nhau, ch ng h n *ph ng ng Hà N i*, *g i ng Hà N i* (Vũ Bá Hùng 2001), *th ng Hà N i* (Hoàng Văn Hành 2001), và h n c, m t cách g i ph bi n nh t là *ti ng Hà N i* (Hoàng Văn Hành 2001, Nguy n Văn Khang 2001, Vũ Bá Hùng 2000, Đ i nh Văn Đ c 2001, Lê Quang Thi m 2007 và nhi u ng i khác).

T g c nh n ph ng ng h c, g i i Vi t ng th ng dùng hai t *ti ng đ a ph ng* và *g i ng đ a ph ng*. Theo Nguy n Văn Khang, v i t cách là bi n th c a m t ngôn ng, *ti ng đ a ph ng* nên đ c hi u là m t ch nh th trong đó bao g m các y u t c a c u trúc - h th ng ngôn ng nh các y u t ng âm, t v ng, ng pháp và phong cách hay cách đ i n đ t (Nguy n Văn Khang 2001). Có th nói,

trong tr ng thái hành ch c c a mình v i t cách là m t ph ng ti n giao ti p, cái g i là ngôn ng nh chúng ta th ng g i và bi t đ n, ch ng h n, ti ng Vi t, ti ng Anh, ti ng Hán... ch t n t i đ i đ ng các bi n th. Xét v m t đ a lí, lo i bi n th t n t i trong m t ph m vi không gian th ng đ c xem là các *ti ng đ a ph ng*. Chúng ta có th nói *Ngh s Nh Qu y nh nói ti ng Hà N i*, *Bà Tôn N Th N i nh nói ti ng Hu*, *biên đ p viên Hoà i Anh nói ti ng Sài Gòn*, v.v. Và ngay c khi các phát thanh viên Đài ti ng nói Vi t Nam hay Đài truy n hình Vi t Nam nói m t th *ti ng* mà m t s ng i v n g i là *ti ng ph thông*, *ti ng Vi t toàn dân* thì cái th *ti ng* siêu ph ng ng y c ng v n có c s t m t th *ti ng*, m t *ph ng ng* hay *ti u ph ng ng* nh t đ nh - th ng đ c xem là *ti ng Hà N i*, trung tâm c a Ph ng ng B c, c s c a ti ng Vi t toàn dân. Cái g i là *ti ng* đ a có th xem là m t ph ng ng đ a lí. Tuy nhiên, v i m t cái nh n r ng h n, c ng có th hi u theo cách c a Nguy n Văn Khang và xem cái th c th y là m t th ph ng ng đ a lí - xã h i. L p lu n mà tác gi đ a ra là "...trong m t đ t n c Vi t Nam th ng nh t, đ a dân t c, đ a ngôn ng và m i ngôn ng nói chung và ti ng Vi t nói riêng l i hành ch c đ i đ ng m t ngôn ng - đ a ph ng ng thì s bi t l p g i a các ngôn ng và g i a các ph ng ng c a m t ngôn ng là đ i u không x y ra." (Nguy n Văn Khang 2001). M c dù tác gi không l p lu n m t cách hi n ngôn nh ng theo suy lu n c a chúng t i thì hàm ý mà tác gi mu n nói đ a đây là: cái đ c g i là *ti ng*, t n t i m t cách không bi t l p, nghĩa là trong s ti p xúc y, ph i đ c xem là m t ph ng ng đ a lí - xã h i b i chính s ti p xúc đã mang đ n cho nó cái đ c tr ng xã h i mà tác gi đã tích h p vào khái ni m (chúng t i suy lu n).

N u khi nói *ti ng đ a ph ng* là nói đ n lo i bi n th nh m t ch nh th toàn v n c a h th ng ngôn ng thì khi nói *g i ng đ a ph ng*, ng i ta th ng ch mu n nói đ n

một ngữ âm (phát âm) của cái tiếng địa phương ấy, chẳng hạn "*Cô ấy nói tiếng Việt giọng Hà Nội, ca sĩ Mỹ Tâm nói giọng Quảng Nam*"... là muốn nói đến cách phát âm Hà Nội hay cách phát âm Quảng Nam của các chữ. Theo Hoàng Tu, *giọng* ở đây "*không phải là một yếu tố ngữ âm đơn lẻ mà là một tập hợp các yếu tố ngữ âm khác nhau đồng thời xuất hiện khi phát âm và đồng thời tiếp nhận khi nghe*" (Hoàng Tu 1999). Chúng tôi hoàn toàn chia sẻ với quan điểm này.

Liên quan đến tiếng địa phương Hà Nội, theo những cách gọi trên đây thì khi nói *tiếng Hà Nội*, với từ cách là biến thể của tiếng Việt, là nói đến một chỉnh thể với tất cả các yếu tố của hệ thống ngôn ngữ của tiếng Việt như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, cách diễn đạt... Còn nếu dùng *giọng Hà Nội* là chỉ để tập đến một phát âm của tiếng Hà Nội trong quá trình hành chữ của nó mà thôi.

Bên cạnh hai cách gọi trên, đây đó, tuy không nhiều nhưng chúng ta có thể gặp các cách dùng khác như *phương ngữ Hà Nội*, *thôn ngữ Hà Nội*. Để hiểu, trước hết cần biết đến từ hai khái niệm *phương ngữ* và *thôn ngữ*. *Phương ngữ* thường được các nhà ngôn ngữ học xem là biến thể địa phương của một ngôn ngữ. Đó là cách hiểu trước đây, và theo nghĩa hẹp. Theo cách hiểu này, *phương ngữ* tồn tại như một chỉnh thể bao gồm tất cả các mặt biểu hiện của hệ thống ngôn ngữ. Để làm rõ khái niệm này, tất cả các nhà ngôn ngữ học thường đều dùng một dấu gạch ngang để nối các khái niệm: *phương ngữ - phương ngữ - tiếng địa phương*. Các khái niệm này là đồng nghĩa và các cách diễn giải về chúng, từ trung đại, cũng là để chỉ biến thể địa phương của một ngôn ngữ bất kỳ. Và vì vậy, nếu gọi *phương ngữ Hà Nội* (Đình Văn Đức 2001) hay *tiếng Hà Nội* thì vẫn bản chất cũng chỉ là một. Tuy nhiên, cách gọi *phương ngữ Hà Nội* là cách gọi hiếm gặp bởi sự va chạm giữa nó với cách gọi một vùng phương ngữ lớn hơn mà nó thuộc về - *phương ngữ Bắc*. Nếu coi

phương ngữ Bắc là một trong ba phương ngữ lớn của tiếng Việt (cùng với phương ngữ Trung và phương ngữ Nam) thì *phương ngữ Hà Nội* chỉ là một vùng nhỏ thuộc *phương ngữ Bắc*, hay chính xác hơn, chỉ là một *tiểu phương ngữ* của phương ngữ Bắc (cách dùng của Nguyễn Văn Khang 2012). Vì sự va chạm đó mà cách gọi *tiếng Hà Nội* tỏ ra thích đáng hơn.

Còn với khái niệm *thôn ngữ*, một số nhà nghiên cứu giải thích rằng đây là biến thể của hệ thống ngôn ngữ thường tồn tại trong một phạm vi không gian hẹp (có thể là huyện, xã, thậm chí là làng...) và có những đặc trưng đặc biệt so với cái phương ngữ lớn bao quanh nó hoặc cái ngôn ngữ mà nó là biến thể. Nhưng đặc trưng này thường thì hiện ra với cách phát âm mang tính đặc thù riêng cho một địa phương nhỏ, còn gọi là *thâm âm* (Nguyễn Văn Khang 2012), và có thể có một số từ ngữ riêng, cũng có thể khác xa hơn so với cái biến thể được coi là phương ngữ... Chẳng hạn, có thể gọi *thôn ngữ Nghi Lộc* (huyện, thuộc Hà Tĩnh), *thôn ngữ Cổ Nhuế* (xã, thuộc Hà Nội), *thôn ngữ Trìu Khúc* (làng, thuộc Hà Nội)... Với cách hiểu như vậy, có lẽ việc dùng *thôn ngữ Hà Nội* sẽ là không hợp lý do tiếng Hà Nội không mang trong nó những đặc điểm mà người ta vốn thường thấy ở các thôn ngữ. Tuy nhiên, ngay trên địa bàn Hà Nội, có thể thấy sự tồn tại khá điển hình của một số thôn ngữ như Cổ Nhuế (xã, thuộc Từ Liêm), Sơn Tây (thị xã, thuộc Hà Tây cũ), Bát Tràng (xã, thuộc Gia Lâm), Trìu Khúc (xã, thuộc Từ Liêm), Thôn ngữ Cổ (xã, thuộc Hà Tây cũ)...

Từ trung đại, với tất cả những luận giải trên đây, chúng tôi chọn một cách gọi phương ngữ hơn cả, để chấp nhận hơn cả để định danh cho cái biến thể của tiếng Việt được sử dụng trong cộng đồng cư dân Hà Nội - đó là *tiếng Hà Nội*.

3.2. Về hai khái niệm: *tiếng Hà Nội* và *ngữ i Hà Nội*

Nếu nhìn *tiếng Hà Nội* như một phương ngữ địa - xã hội, chúng ta sẽ thấy không có

mặt thì *tiếng Hà Nội* nào chung chung mà chỉ có mặt thì *tiếng Hà Nội* gần liền với địa bàn và cũng gần liền với dân cư Hà Nội/hay người Hà Nội. Thế thì đã tồn tại ba xu hướng khác nhau trong quan niệm về *tiếng Hà Nội*.

Xu hướng thứ nhất quan niệm tiếng Hà Nội chỉ là tiếng nói của cư dân gốc nơi thành Hà Nội. Với tư cách là một thành phố, một thị trấn, Hà Nội có nơi thành và có ngoại thành. Theo truyền thống thì nơi thành chỉ giới hạn ở khu vực 36 phố phường. Nhà văn Tô Hoài, một người vốn sinh trưởng ở Hà Nội, cho rằng cần phân biệt rõ giữa "*tiếng bõ họ Hoàn Kiếm và chỗ Đống Xuân*" với tiếng ở các vùng ngoại ô bởi sự hình thành và nguồn gốc tạo nên tiếng nói làm cho giọng nói hai vùng này hoàn toàn khác nhau. Ông cho rằng "*Tiếng bõ họ Hoàn Kiếm là tiếng Hà Nội còn tiếng ngoại ô là tiếng các làng*" (Tô Hoài 2001). Theo ông, *tiếng Hà Nội* là tiếng nói của khu vực 36 phố phường, là *tiếng Kẻ Chợ* mà vùng Kẻ Chợ chỉ là khu vực thị trấn mới sớm xuất xung quanh hồ Gươm, vùng ven bờ sông Hồng mà thôi.

Chia sẻ với quan điểm này là ý kiến của Lưu Hữu Phước với sự phân biệt cách nói (chứ yếu là cách phát âm) ở *trong thành phố Hà Nội và vùng ngoại ô cũ*. Bên cạnh việc phân tích những khác biệt trong cách phát âm mặt chữ âm điệu, với thanh điệu, ông nhận mạnh "*Trong thành phố Hà Nội và ngoại ô cũ, ngay mặt chữ làng phía tây bắc, cách đây vài mươi năm, còn phát âm dấu sắc, dấu huyền không giống ở bõ họ Hoàn Kiếm và chỗ Đống Xuân*" (Dẫn theo Tô Hoài 2001). Nguyễn Kim Thôn cũng cho rằng "*mặt chữ điếm thuở ngoi thành ngày nay, bà con có giọng nói khác với giọng ở nơi thành*" (Nguyễn Kim Thôn 1982) và chỗ có giọng nơi thành, theo tác giả, mặt chữ sắc là tiếng Hà Nội.

Xu hướng thứ hai xem tiếng Hà Nội là sự hội tụ của bốn phương, hay là sự tiếp xúc giữa các vùng phương ngữ. Đây là một cách nhìn đúng, linh hoạt, có sự thông hợp với quan niệm về địa bàn Hà Nội và theo đó là quan

niệm về dân cư Hà Nội hay người Hà Nội theo thời gian - lịch sử. Quan niệm được mặt chữ nhà ngôn ngữ học chia sẻ.

Nguyễn Văn Khang đi tìm câu trả lời cho câu hỏi "Liệu có tồn tại khái niệm *tiếng Hà Nội* trong thời hiện đại hay không?". Và để trả lời câu hỏi này, tác giả đã đặt cái gì là *tiếng Hà Nội* trong hàng loạt các mối quan hệ. Trong quan hệ với các phương ngữ Bắc - Trung - Nam thì *tiếng Hà Nội* rất gần, gần đến mức gần như đồng nhất với tiếng Bắc (phương ngữ Bắc). Trong quan hệ với các tiểu phương ngữ thuộc phương ngữ Bắc, theo tác giả, *tiếng Hà Nội* là một thì *tiếng* mà ở đó vùng bóng nắng biến thì ngữ âm đặc thù ở mặt chữ địa phương Bắc Bộ kiểu: phát âm thanh huyền cao hơn 1 bậc và có sự gần gũi giữa thanh nặng với thanh huyền (tiếng Sơn Tây); hay có sự lẫn lộn [l] với [n], phát âm [e] thành [ie]... (các vùng Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định...). Trong quan hệ với tiếng Việt toàn dân, tác giả có xu hướng thiên về việc đồng nhất hai khái niệm này. Bằng chứng mà tác giả đưa ra là trong công việc xây dựng một thì *tiếng Việt* siêu phương ngữ, hay tiếng Việt chuẩn mới, nhiều người đã đưa vào tiếng Hà Nội mặt chữ nét tích cực của các phương ngữ khác nhưng không thành. Kết quả là, thì *tiếng Việt* được coi là "chuẩn" nhất, tức là thì *tiếng Việt* trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Hà Nội... được nói giống nhau và giống với tiếng Hà Nội, nghĩa là không dung nạp những yếu tố "tích cực" được đưa vào nhằm xây dựng một thì *tiếng Việt* chuẩn với cách phát âm giống với chính thể của tiếng Việt hiện đại. Mối quan hệ cuối cùng, mà chúng tôi cho là mối quan hệ quan trọng nhất làm nên quan điểm của tác giả về *tiếng Hà Nội* là quan hệ giữa tiếng Hà Nội với địa lí - dân cư Hà Nội. Trong mối quan hệ này, tác giả cho rằng "*tiếng Hà Nội phải gắn với địa lí - dân cư Hà Nội theo phân kì lịch sử*" (Nguyễn Văn Khang 2001). Chúng tôi hiểu điều đó có nghĩa là, tiếng Hà Nội

ngày nay phải gắn với địa lí - dân cư Hà Nội ngày nay, là tiếng nói của cư dân Hà Nội ngày nay. Mà địa lí - dân cư Hà Nội, theo tác giả là cư "những vùng đất mới với những con người mới ở vùng mới rộng Hà Nội", là cư "những cư dân mới từ các nơi khác (cư trong nước và nước ngoài) đến sống và làm việc lâu dài hay tạm thời tại Hà Nội" (Nguyễn Văn Khang 2012). Xét mặt cách tiếp cận thì đây, tác giả có đôi chút mâu thuẫn khi trước đó, trong mối quan hệ giữa tiếng Hà Nội với các tiêu chí ngôn ngữ của ngôn ngữ Bắc, đã cho rằng trong tiếng Hà Nội không có những biến thể ngữ âm đặc thù địa phương như kiểu "phát âm thanh huyền cao hơn 1 bậc và có sự gắn giữ giữa thanh nặng với thanh huyền" trong tiếng Sơn Tây (đã dẫn ở trên) trong khi Sơn Tây hiện thuộc Hà Nội, và ngược lại Sơn Tây, theo cách lập luận trên đây, là người Hà Nội ở "vùng mới rộng" (tức mà tác giả dùng). Tuy nhiên, chúng tôi hiểu điều mâu thuẫn mà tác giả muốn thể hiện ở đây là tính chất mới trong quan điểm của mình, đó là coi tiếng Hà Nội là tiếng Việt của cộng đồng cư dân Hà Nội ngày nay, là kết quả của quá trình cộng cư và tiếp xúc.

Có thể thấy, hai xu hướng trên đây tồn tại như hai trường thái rất khác biệt. Xu hướng thứ nhất thì chủ chốt và có phần cực đoan theo kiểu hời hợt. Xu hướng thứ hai thì thoáng, mở và đồng thuận. Theo đó, "những vùng đất mới với những con người mới ở vùng mới rộng Hà Nội, hay những cư dân mới từ các nơi khác (cư trong nước và nước ngoài) đến sống và làm việc lâu dài hay tạm thời tại Hà Nội" đều là người Hà Nội và tiếng nói của họ đều là tiếng Hà Nội (Nguyễn Văn Khang 2012). Như vậy, chúng ta, tiếng Sơn Tây, trước 2008 là tiếng Sơn Tây, sau 2008 là một biến thể của tiếng Hà Nội. Cũng vậy, một người Nghệ, người Huế hay người Nam Bộ đến sinh sống ở Hà Nội, có thể mới đến hay đến đã lâu, đều có thể coi là người Hà Nội, và theo nguyên lý bậc câu thì tiếng nói của họ cũng có thể gọi là tiếng Hà Nội, hay chính xác hơn là

một biến thể của tiếng Hà Nội. Hi vọng sự suy diễn này không đi quá xa khỏi những phân tích và hàm ý của tác giả. Và rất có thể, chính điều này đã gây ra sự mâu thuẫn mà chúng tôi đã phỏng đoán trên đây.

Lập luận này khiến chúng tôi thấy cần tìm đến một xu hướng dung hòa hơn, như một chức năng của hai xu hướng đóng và mở, tĩnh và động, hời hợt và hướng tiếp cận lại nói trên. Không riêng hồ sơ hời hợt với một thể *tiếng Hà Nội* của ngày xưa, cũng không thiên hơn với cách nghĩ cho *tiếng Hà Nội* là tiếng nói của tất cả những ai hiện đang sinh sống ở Hà Nội, trên địa phận Hà Nội được xác định ranh giới lần cuối cách đây ít năm (2008) tính đến thời điểm hiện tại, xu hướng trung dung này có điểm tựa là một quan sát thực tế hợp của Đình Văn Đức tại hai xóm như mà ông đã đề cập. Tác giả cho rằng có một thể tiếng nói Hà Nội "cũ" thuộc thể hời hợt và thể hai với đặc trưng là "phát âm rất nhẹ, khoan thai, các thanh có độ trầm bổng rất rõ..." và một thể tiếng Hà Nội "mới" của các thể hời hợt ba và thể tĩnh (kể cả con em của các gia đình mà bố mẹ chúng đến Hà Nội từ các vùng phương ngữ khác). Cái tiếng Hà Nội "mới" ấy "trong khi kết thúc một câu thì cái phương ngữ Hà Nội vẫn có, đã lắng đọng có những biến đổi tình hình trong giọng nói và lời nói thì nên một thể tiếng Hà Nội thì nay" kết thúc và chuyển tiếp từ tiếng Hà Nội cũ (Đình Văn Đức 2001). Hai thể tiếng ấy giống và khác nhau trong một sự liên tục. Điểm mâu thuẫn, và sự là cảm hứng của bên cho quan niệm với *tiếng Hà Nội* của chúng tôi thể hiện qua bài viết này, là quan sát của tác giả đối với tiếng nói của thể hời hợt ba và thể tĩnh tại cả hai xóm mà ông đã đề cập (xin xem thêm Đình Văn Đức 2001). Theo đó, có một thể từ khách quan tồn tại bên ngoài ý chí chủ quan của con người, không chịu tác động của bao nhiêu thăng trầm, bao nhiêu xáo trộn trong câu chuyện dân Hà Nội, đó là tất cả các thể hời hợt đã "sinh ra, lớn lên, đến trưởng thành và thành người lớn" ở Hà Nội thì đều nói cùng một thể tiếng giống nhau mà chỉ thoắt nghe, bỗng cảm thấy

của người bần ngữ, ai cũng nhận ra ngay đó là tiếng Hà Nội. Ngay cả khi những bậc sinh thành của những thế hệ sinh ra và lớn lên ở Hà Nội hay ở bất kỳ đâu khác. Nghĩa là trẻ con, dù có bậc cha mẹ đến Hà Nội từ miền miền đất nước những khi chúng đã sinh ra và trưởng thành ở Hà Nội thì chúng sẽ không nói tiếng của cha mẹ chúng mà nói tiếng Hà Nội. Theo tác giả "Đôi sông của ngôn ngữ xã hội Hà Nội minh chứng đã tỏ ra một áp lực trong giao tiếp khiến cho mọi thành viên thuộc thế hệ thế ba và thế tư này đều có xu hướng hút vào đó và chính sự tham gia của họ sẽ tăng cường thêm tính ổn định và bền vững của tiếng Hà Nội mới".

Chia sẻ với quan sát trên đây, theo quan điểm của Vũ Bá Hùng, trải qua nhiều biến động của lịch sử tiếp xúc và hội tụ cộng dân, tiếng Hà Nội vẫn giữ được sắc thái riêng và "trong các gia đình cán bộ từ các miền đất nước đến thủ đô, thế hệ thế hai đều nói tiếng Hà Nội. Các cháu đều sinh ra và lớn lên ở Hà Nội. Từ tuổi mầm non đến tuổi học đường, môi trường giáo dục nhà trường và giao tiếp xã hội đã tạo cho giọng nói của các cháu khác với giọng nói của bậc cha mẹ. Đó là giọng nói người Hà Nội,... một dù sự giao tiếp trong sinh hoạt gia đình vẫn diễn ra một cách bình thường và tự nhiên" (Vũ Bá Hùng 2001).

Theo quan sát, cảm nhận và đặc biệt là những trải nghiệm của chúng tôi, sẽ không dừng trên đây phần ánh xạ thực tế khách quan, phổ biến, và đáng chú ý không có ngoại lệ. Thực tế này cũng cho thấy môi trường giao tiếp trong cộng đồng cộng dân Hà Nội đã tạo cho tất cả những ai sinh ra và lớn lên ở Hà Nội một thế tiếng nói chung, đặc trưng cho minh chứng này, đó là tiếng Hà Nội, bất kể họ sinh ra vào thời điểm nào, cách đây nhiều thế kỷ, nhiều thế kỷ hay chỉ mới vài năm, bất luận cha mẹ họ là ai, từ đâu đến, nói tiếng địa phương nào. Và theo cách nhìn này, hai khái niệm tiếng Hà Nội và người Hà Nội đã xác định lẫn nhau, tạo nên hàm cho nhau và cùng tồn tại. Đó cũng là lý do vì sao ban đầu chúng

tôi định đặt hai khái niệm này ở hai mục riêng nhưng rồi thực tế quan sát, cảm nhận, có lẽ sẽ chia cùng những người đi trước đã nhận ra sự hút kéo chúng lại với nhau và buộc chúng tôi phải chấp nhận việc thao tác hóa khái niệm một cách hơi thiêu rớt rồi.

4. Thay cho kết luận

Trở lên, chúng tôi đã trình bày một số vấn đề, có thể là hơi ngắn gọn và trình bày, những lý do của nó liên quan đến một chủ đề duy và mối quan hệ liên đới giữa các vấn đề, các khái niệm với nhau. Chúng hy vọng, sẽ là người có logic thông thường nếu chỉ nói về tiếng Hà Nội mà đã nói về tiếng Hà Nội đô thị và tiếng Hà Nội nông thôn. Tuy vậy, để nói về tiếng Hà Nội, trước hết phải nói về không gian định vị khái niệm này - đó là địa bàn Hà Nội. Nhưng, liên quan đến địa bàn Hà Nội và những bàn luận không thể không đề cập về vấn đề này là việc định vị hai loại không gian đặc thù của nó là nội đô (nội thành - đô thị) và ngoại ô (ngoại thành - nông thôn). Như đã trình bày, đây là hai không gian dung chứa hai dòng biến thể của tiếng Hà Nội theo nghĩa rộng của khái niệm này, đó là tiếng Hà Nội đô thị và tiếng Hà Nội nông thôn.

Trở lại với vấn đề mở đầu mà bài viết này đặt ra để thảo luận, cũng là câu trả lời ngắn gọn cho câu hỏi: Người Hà Nội là ai? Tiếng Hà Nội là thế tiếng như thế nào? Câu trả lời chung cuộc (cho quan điểm của chúng tôi) sẽ là: Người Hà Nội là tất cả những ai đã sinh ra và lớn lên ở Hà Nội (Hà Nội theo nghĩa bao gồm toàn bộ không gian hành chính của nó cho đến hôm nay). Và, tiếng nói của người Hà Nội sẽ là tiếng Hà Nội. Đến lượt mình, tiếng nói của người Hà Nội ở khu vực phía đông Hà Nội, tiếng nói người Hà Nội ở khu vực nội thành hiện nay, là tiếng Hà Nội đô thị. Và, tiếng nói của người Hà Nội ở khu vực nông thôn, tiếng nói người Hà Nội ở khu vực nông thôn Hà Nội hiện nay⁵, là tiếng Hà

⁵Chúng tôi dùng cụm từ "tiếng nói người Hà Nội" bởi một lý do, nhìn một cách lịch sử thì không gian đô thị Hà Nội có một cái lõi ổn định ở hai vòng trong cùng được bao bọc bởi ba con sông, hình nhân

Núi nông thôn. Nếu tiếng Hà Nội đô thị là một thể thống nhất thì khác biệt nhất và ấn định thì tiếng Hà Nội nông thôn là một thể thống nhất đa dạng, linh hoạt, đầy biến động và cũng đầy màu sắc. Chúng luôn tồn tại bên nhau, như hình ảnh, tác động lẫn nhau và có thể có những biến đổi qua thời gian theo những quy luật vận động khách quan của ngôn ngữ gắn liền với cái xã hội và cái không gian tồn tại của chúng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Kim Bình (2007), *Tên gọi địa lí hành chính và không gian địa lí thủ đô Hà Nội theo dòng lịch sử*, trong "Ngôn ngữ văn hóa Hà Nội", Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Vũ Kim Bình và đồng sự (2010), *Khảo sát ngữ âm tiếng Hà Nội*, Đề tài KHCN cấp Bộ, Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
3. Nguyễn Bắc & Nguyễn Vinh Phúc (2000), *Hà Nội - phố, làng - biển niên sử*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
4. Đinh Văn Đức (2001), *Bên cửa sổ nhìn xét về "tiếng Hà Nội" qua hai xóm mà tôi đã ở*, Ngôn ngữ và văn hóa 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Hoàng Văn Hành (2004), *Tiếng Hà Nội - sự hội tụ của bốn phương, tinh hoa của một nền văn hóa*, Ngôn ngữ và văn hóa 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Hoàng Văn Hành (2004), *Tiếng Hà Nội từ góc nhìn ngôn ngữ - văn hóa học*, Tiếng Hà Nội trong mối quan hệ với tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Nxb Lao động, Hà Nội.
7. Lê Minh Hùng (2001), *Tìm về địa danh Hoàn Long*, Ngôn ngữ và văn hóa 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Tô Hoài & Nguyễn Vinh Phúc (2000), *Hội đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Tô Hoài (2001), *Tiếng Hà Nội*, Ngôn ngữ và văn hóa 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
10. Vũ Bá Hùng (2001), *Bên sông và tính chất đặc trưng trong giọng nói của người Hà Nội*, Ngôn ngữ và văn hóa 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Khang (2001), *Về khái niệm "tiếng Hà Nội"*, Ngôn ngữ và văn hóa 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
13. Trình Cẩm Lan (2007), *Sự biến đổi ngôn từ của các cộng đồng chuyên cư đến thủ đô (Nghiên cứu trường hợp cộng đồng đồng Nghề Tịch tại Hà Nội)*, Nxb KHXH, Hà Nội.
14. Trần Huy Liệu (2000), *Lịch sử thủ đô Hà Nội*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Kim Loan (2012), *Sự biến đổi của ngôn ngữ thủ đô thủ Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
16. Nguyễn Kim Thìn (1982), *Lời ăn tiếng nói của người Hà Nội*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
17. Lê Quang Thiêm (2007), *Tập tục đầy đủ về nghiên cứu tiếng Hà Nội*, trong "Ngôn ngữ và văn hóa Hà Nội", Hội Ngôn ngữ học Hà Nội, Hà Nội.
18. Hoàng Đạo Thúy (1975), *Phonétique Hà Nội xưa*, Nxb Thăng Long, Hà Nội.
19. Hoàng Tuệ (1999), *Những vấn đề phát âm tiếng Việt*, Ngôn ngữ phonétique tiến bộ thông tin đổi chúng, TP. Hồ Chí Minh.
20. Trần Quốc Văn & Vũ Tuấn San (1975), *Hà Nội nghìn xưa*, Sở Văn hóa & Thông tin Hà Nội, Hà Nội.
21. Trần Quốc Văn (2006), *Thăng Long - Hà Nội, tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

này biến đổi qua nhiều thời đại. Một nhân này gắn liền với tiếng nói của 4 quần núi thành cũ. Tuy nhiên, trong quá trình mở rộng, Hà Nội đã thành lập thêm một số quần mới là sự tích hợp một số phường thuộc các quần cũ với một số xã thuộc các huyện ven đô. Về mặt hành chính, các quần mới đó cũng có thể coi là các quần mới thành nên nếu nói tiếng nói của cư dân các quần đó là tiếng Hà Nội đô thị thì hình như không dễ dàng để chấp nhận ngay. Chẳng hạn, số là hội tụ tại núi từng nói của cư dân quần Long Biên (huyện Gia Lâm cũ), quần Cầu Giấy (những vùng thuộc huyện Từ Liêm cũ) là tiếng Hà Nội đô thị. Về điểm nhìn phonétique học, chúng tôi cho rằng các vùng này giống như những vùng chuyển tiếp giữa tiếng Hà Nội nông thôn và tiếng Hà Nội đô thị, đó, có những vùng thuộc cái lõi ấn định cũ và có những vùng mới nhập về sau, những hiện tượng, về mặt hành chính, không thể tách chúng ta được.